

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2016

Tháng 2 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	1.073	1.081	8	12.870	102.960	
102	8	615	621	6	12.870	77.220	
103	0	748	752	4	12.870	51.480	
104	8	540	550	10	12.870	128.700	
105	Phòng trực				12.870	0	
106	8	784	790	6	12.870	77.220	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	532	536	4	12.870	51.480	
110	8	574	579	5	12.870	64.350	
111	8	718	723	5	12.870	64.350	
112	8	524	528	4	12.870	51.480	
113	8	511	515	4	12.870	51.480	
114	8	412	416	4	12.870	51.480	
201	8	1.214	1.219	5	12.870	64.350	
202	8	1.025	1.030	5	12.870	64.350	
203	8	904	911	7	12.870	90.090	
204	8	927	930	3	12.870	38.610	
205	8	752	756	4	12.870	51.480	
206	8	771	776	5	12.870	64.350	
207	8	810	814	4	12.870	51.480	
208	8	780	785	5	12.870	64.350	
209	8	650	654	4	12.870	51.480	
210	8	548	554	6	12.870	77.220	
211	8	683	692	9	12.870	115.830	
212	8	580	583	3	12.870	38.610	
213	8	694	698	4	12.870	51.480	
214	8	735	739	4	12.870	51.480	
301	8	743	748	5	12.870	64.350	
302	8	621	624	3	12.870	38.610	
303	8	660	665	5	12.870	64.350	
304	8	635	639	4	12.870	51.480	
305	8	612	616	4	12.870	51.480	
306	8	672	678	6	12.870	77.220	
307	PSHC			0	12.870	0	
308				0	12.870	0	
309	8	566	569	3	12.870	38.610	

310	8	559	561	2	12.870	25.740
311	8	617	621	4	12.870	51.480
312	8	594	596	2	12.870	25.740
313	7	679	682	3	12.870	38.610
314	8	603	607	4	12.870	51.480
401	8	598	602	4	12.870	51.480
402	8	500	504	4	12.870	51.480
403	7	521	525	4	12.870	51.480
404	8	473	477	4	12.870	51.480
405	8	450	459	9	12.870	115.830
406	0	504	509	5	12.870	64.350
407	8	549	553	4	12.870	51.480
408	7	770	774	4	12.870	51.480
409	8	452	458	6	12.870	77.220
410	8	624	629	5	12.870	64.350
411	8	451	455	4	12.870	51.480
412	7	463	468	5	12.870	64.350
413	8	574	581	7	12.870	90.090
414	8	522	523	1	12.870	12.870
501	8	347	347	0	12.870	0
502	8	486	490	4	12.870	51.480
503	8	729	734	5	12.870	64.350
504	8	521	526	5	12.870	64.350
505	8	525	531	6	12.870	77.220
506	6	371	375	4	12.870	51.480
507	8	533	537	4	12.870	51.480
508	8	458	461	3	12.870	38.610
509	8	482	486	4	12.870	51.480
510	8	426	430	4	12.870	51.480
511	7	333	339	6	12.870	77.220
512	8	386	390	4	12.870	51.480
513	8	332	336	4	12.870	51.480
514	8	273	276	3	12.870	38.610
Cộng	497			295		3.796.650

(Bảng chữ: Ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà